

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Bản án số 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 / 07 /2023

"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

[1] Bà Lê Thị Thận;

[2] Ông Trần Đức Hòa;

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 209 / TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 202 về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35 /2023/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Trà T; sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ : Khu Hòa Đ , TT Đ P, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: chị Cao Thị L; sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ : Khu Hòa Đ , TT Đ P, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước.

Người đại diện : ông Nguyễn Hữu Ph (vắng mặt)

Địa chỉ : TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/08/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Tôi và cô Cao Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước số 34, ngày 13/7/2017, quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau về kinh tế, mâu thuẫn về quan điểm sống, mỗi người mỗi ý, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường

xuyên cãi vả lẫn nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất 189,2m² thuộc thửa đất số 218, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn 3 xã Đoàn kết, huyện Bù Đăng, nay thuộc khu Đức Thiện, TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 965797 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/7/2019 đứng tên ông Nguyễn Trà T, bà Cao Thị L, tài sản trên đất có căn nhà xây diện tích 126m².

Tài sản chung trị giá 2 tỉ đồng, anh yêu cầu chia tài sản chung mỗi người hưởng 1/2 giá trị tài sản anh có nguyện vọng nhận nhà đất.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước – Phòng giao dịch Bù Đăng số tiền 1.100.000.000đ, anh yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả nợ 1/2 tương ứng số tiền 550.000.000đ.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Trà T rút yêu cầu chia tài sản và nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Cao Thị L trình bày:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị sống chung, có đăng ký kết hôn là đúng, có xảy ra mâu thuẫn là đúng, chị đồng ý ly hôn.

2/ Về con chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Diện tích đất 189,2m² và căn nhà xây trên đất là đúng, chị đồng ý theo yêu cầu anh Thanh.

4/ Về nợ, vợ chồng có 2 khoản nợ chung:

* Khoản nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước – Phòng giao dịch Bù Đăng số tiền 200.000.000đ, vay ngày 24/9/2020, thời hạn vay 1 năm, sau đó hết hạn lại ký hợp đồng vay lại, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, hiện nay vẫn đang nợ ngân hàng, tài sản đang thế chấp ngân hàng là diện tích đất 189,2m² cùng tài sản căn nhà trên đất.

* Khoản nợ thứ hai với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước – Phòng giao dịch Bù Đăng số tiền 900.000.000đ, vay ngày 11/5/2022, thời hạn vay 1 năm, sau đó hết hạn lại ký hợp đồng vay lại theo hợp đồng mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình và sửa chữa nhà ở nhưng thực chất khi nhận tiền vay thì anh Thanh đã nhận hết toàn bộ số tiền 900.000.000đ về để sửa chữa căn nhà riêng của anh Thanh, tài sản thế chấp ngân hàng là tài sản riêng của anh Thanh. Vì anh Thanh nhận tiền sửa chữa nhà riêng của anh thanh và tài sản thế chấp cũng là tài sản riêng của anh Thanh nên anh Thanh phải chịu trách nhiệm trả nợ ngân hàng khoản tiền này. Chị không đồng ý trả.

Anh Nguyễn Trà T yêu cầu Tòa án chia tài sản và nợ nhằm mục đích chị phải có nghĩa vụ trả nợ chung của ngân hàng 1.100.000.000đ và tiền lãi, đồng thời trừ vào tài sản chung của vợ chồng thì chị không đồng ý.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Trà T rút yêu cầu chia tài sản và nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết chị đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước, người đại diện xin vắng mặt tại phiên tòa

nhưng qua văn bản trình bày nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước – Phòng giao dịch Bù Đăng có cho anh Nguyễn Trà T chị Cao Thị L vay tiền, cụ thể:

* Khoản nợ số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 1 năm, thời hạn trả nợ 07/9/2023, tài sản đang thế chấp ngân hàng là diện tích đất 189,2m² cùng tài sản căn nhà trên đất.

* Khoản nợ thứ hai số tiền 900.000.000đ, vay ngày 11/5/2022, thời hạn vay 1 năm, ngày đến hạn gốc 11/5/2023, tài sản thế chấp ngân hàng là diện tích đất 91,7m² thuộc thửa 54, tờ bản đồ 19, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00798 do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 16/11/2011 đứng tên ông Nguyễn Trà T.

Hiện nay anh Nguyễn Trà T, chị Cao Thị L vẫn đóng lãi theo đúng hợp đồng nên ngân hàng chưa khởi kiện thu hồi nợ.

Ngân hàng không đồng ý cho anh Nguyễn Trà T, chị Cao Thị L chia tài sản, lý do: Tài sản đang thế chấp ngân hàng, khi nào anh Nguyễn Trà T, chị Cao Thị L trả hết nợ ngân hàng, ngân hàng trả lại tài sản thế chấp thì lúc đó anh Thanh, chị Lành mới có quyền quyết định định đoạt chia tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn Trà T có đăng ký kết hôn với chị Cao Thị L, nay anh Thanh xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng anh Nguyễn Trà T và chị Cao Thị L tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Trà T và chị Cao Thị L là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, các bên đều thừa nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không mang lại hạnh phúc gia đình và đồng ý hôn.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Nguyễn Trà T được ly hôn với chị Cao Thị L.

[4] Về con chung : Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa anh Nguyễn Trà T rút yêu cầu chia tài sản và nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có phản tố, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết việc tranh chấp tài sản và vay nợ. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: anh Nguyễn Trà T nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định, số tiền tạm ứng án phí còn lại hoàn trả nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Nguyễn Trà T được ly hôn với chị Cao Thị L.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết việc tranh chấp tài sản và vay nợ. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Trà T nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000692 ngày 19/10/2022, số tiền còn lại 21.000.000đ Chi cục thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả anh Nguyễn Trà T.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bù Đăng, ngày 07 tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyên

[1] Bà Lê Thị Thận;

[2] Ông Trần Đức Hòa;

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 139 /2022/ TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80 /2022/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy Trang; sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 4 , xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: anh Nguyễn Đắc An; sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 4 , xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy Trang được ly hôn với anh Nguyễn Đắc An. (Biểu quyết 3/3)

[2] Về con chung , giao cháu Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 01/03/ 2016; Nguyễn Hoàng Bích Huyền, sinh ngày 18/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Thùy Trang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. (Biểu quyết 3/3)

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng. (Biểu quyết 3/3)

[3] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. (Biểu quyết 3/3)

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. (Biểu quyết 3/3)

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy Trang nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000526 ngày 01/7/2022(đã nộp xong). (Biểu quyết 3/3)

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú. (Biểu quyết 3/3)

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 40 phút cùng ngày, đã đọc lại các thành viên trong Hội đồng xét xử nghe và ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên